TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **——————**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **432/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2023
V/v tranh chấp: **Ly hôn**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Tuyết.
2. Ông Nguyễn Quang Đạt.

Thư ký phiên toà: Bà Từ Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 306/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2023 về việc **"Tranh chấp ly hôn"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2023/QĐXX-ST ngày 04/8/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 131/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Lệ T,** sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 12A, T, xã Đ, huyện G, H

Nơi tạm trú: Số 94, ngõ 1, B, phường K, quận T, H - Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Tuấn A,** sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 12A, T, xã Đ, huyện G, H

Nơi tạm trú: Số 94, ngõ 1, B, phường K, quận T, H - Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Lệ T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Tuấn A trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận T, H ngày 29/8/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại đội 12A T, xã Đ, huyện G, H đến năm 2015 thì chuyển đến sống tại số 94, ngõ 1 B, phường K, quận T, H. Chung sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuẫn là do anh Tuấn A nghiện ma túy "đá", không chịu tu trí làm ăn. Mỗi lần sử dụng ma túy xong, anh Tuấn A lại chửi bới, đánh đập vợ con. Để đảm bảo an toàn cho hai mẹ con, từ tháng 8/2021, chị đem con ra ngoài thuê nhà ở, vợ chồng sống ly thân. Mặc dù không ở cùng nhà với anh Tuấn A nữa nhưng chị vẫn thường xuyên cho con về thăm bà nội và bố, tạo điều kiện cho bố con gặp nhau, còn bản thân chị không quay về lần nào.

Nay chị xin ly hôn anh Tuấn A vì xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Tuấn A có 01 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 13/11/2006. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung (gồm động sản, bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị và anh Tuấn A không có tài sản, nhà ở chung nên nay ly hôn, chị không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

+ Về các khoản nợ chung: Chị và anh Tuấn A không có khoản nợ chung nào.

***- Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A trình bày*:**

Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 13/11/2006. Do không đồng ý ly hôn nên anh Tuấn A không có quan điểm gì về con chung

- Về tài sản chung(gồm động sản, bất động sản) và các khoản nợ chung: Anh và chị T không có tài sản, nhà ở chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Chị T trình bày:* Chị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Tuấn A vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung: Chị vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 13/11/2006 và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung, chị xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Thanh Xuân tham gia phiên toà có quan điểm*:**

- *Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng:* Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền

giải quyết: Thẩm phán đã xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn - chị Trần Lệ T và bị đơn - anh Nguyễn Tuấn A theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Thanh Xuân nên Toà án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại các điều 97, 98, 101, 104 Bộ luật tố tụng dân sự; Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã tuân thủ thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự .Việc tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật; Sau khi ra Quyết định xét xử, Tòa án chuyển hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và tống đạt hợp lệ đến đương sự;

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Toà án: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, chấp hành đúng các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật; Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thư ký quy định tại điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Lệ T đối với anh Nguyễn Tuấn A, xử cho chị Trần Lệ T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 13/11/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Tuấn A đến khi chị T có yêu cầu. Anh Tuấn A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền, về quan hệ pháp luật có tranh chấp:* Nguyên đơn - chị Trần Lệ T có đơn xin ly hôn đối anh Nguyễn Tuấn A (có địa chỉ cư trú tại số 94, ngõ 1 B, phường K, quận T, thành phố H), căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Bị đơn - anh Tuấn A đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Chị Trần Lệ T và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận T, H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/06, quyển số 01 ngày 29/8/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận đến tháng 05 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tuấn A nghiện ma túy, thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ con. Từ tháng 8/2021, chị T đã mang con ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Tuấn A có lời khai không đồng ý ly hôn.Tuy nhiên, Toà án đã triệu tập nhiều lần để tiến hành thủ tục hoà giải giữa các bên đương sự nhưng anh Tuấn A không đến và cũng không có bất cứ động thái gì trong việc hàn gắn quan hệ vợ chồng

Theo lời khai của chị T, anh Tuấn A là người nghiện ma tuý từ nhiều năm nay, trong cuộc sống vợ chồng, anh Tuấn A không những không giúp đỡ được cho chị về vật chất mà còn làm ảnh hưởng đến tinh thần của mẹ con chị.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh Tuấn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Tuấn A lên trình bày ý kiến và hoà giải tuy nhiên anh Tuấn A đều vắng mặt cho thấy anh Tuấn A không có thiện chí trong việc hàn gắn gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 13/11/2006.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con, anh Tuấn A không có ý kiến gì về con chung. Cháu H có lời khai xin được ở với mẹ. Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử thấy, anh Tuấn A là người nghiện ma tuý, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định để nuôi con. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu H ở với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập đầy đủ. Bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu. Để đảm bảo quyền lợi của trẻ em chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Tuấn A đến khi chị T có yêu cầu.

Anh Tuấn A có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung (động sản+ bất động sản) chung: Anh chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh Tuấn A, chị T cùng xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Lệ T đối với anh Nguyễn Tuấn A.

Xử cho chị Trần Lệ T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

[2]. Về con chung: Giao con chung của anh chị là Nguyễn Trung H, sinh ngày 13/11/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Tuấn A đến khi chị T có yêu cầu

Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản + bất động sản chung) và các khoản nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004011 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS Q.Thanh Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án

Đỗ Thị Diệu Thúy

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Diệu Thúy